

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/DS-ST
Ngày 22 - 8 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Năng Long;
2. Ông Nguyễn Hồng Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Hồng M, sinh năm 1941.

Địa chỉ: Buôn K, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức A, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Thôn S, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đình Th, sinh năm 1986 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Đức A trình bày:

Do có quen biết với nhau nên vào ngày 12/3/2017 vợ chồng ông Th, bà V (bị

đơn) có đến nhà bà M (nguyên đơn) vay của nguyên đơn số tiền là 20.000.000 đồng, không thỏa thuận về lãi suất, bị đơn hẹn đến mùa tiêu tháng 3/2019 sẽ trả. Việc vay tiền các bên không có cầm cố hoặc thế chấp tài sản gì mà chỉ lập giấy vay nợ với nhau. Bà V viết giấy vay nợ và là người trực tiếp nhận tiền vay từ nguyên đơn sau đó ký vào giấy vay nợ, nguyên đơn có yêu cầu cả chồng bà V là ông Th ký giấy vay nợ thì bà V ký luôn chữ “Nguyễn Đình Th” nên chữ ký “Nguyễn Đình Th” trong giấy vay nợ không phải là chữ ký của ông Th. Khi đến hạn trả nợ nguyên đơn đã đi đòi nhiều lần nhưng bị đơn không chịu trả. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Th, bà V phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Tại các bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Đình Th và bà Nguyễn Thị V trình bày:

Ông Th và bà V không có vay tiền của nguyên đơn như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày, chữ ký và chữ viết trong giấy vay nợ do nguyên đơn xuất trình không phải là chữ ký và chữ viết của bà V nên ông Th và bà V không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Th và bà V đề nghị Tòa án xác thực giám định chữ ký trong giấy vay nợ của nguyên đơn để làm cơ sở giải quyết vụ án. Tuy nhiên, ông Th và bà V không đồng ý nộp tiền tạm ứng chi phí giám định vì ông bà không phải là người khởi kiện, bà M khởi kiện thì phải có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, bị đơn không khởi kiện nên không nộp tiền tạm ứng chi phí giám định. Tại phiên tòa bà V xác nhận trước đây không nhớ rõ thời gian nào thì bà M có đến nhà bà V để đòi nợ.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Ngô Thị Hồng M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền: Nguyên đơn bà Ngô Thị Hồng M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là ông Nguyễn Đình Th và bà Nguyễn Thị V phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật nên đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản,

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại Thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1.1] Về tiền gốc: Xét thấy vào ngày 12/3/2017 bà M cho bà V và ông Th vay 20.000.000 đồng, khi cho bị đơn vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn có lập giấy vay tiền ngày ghi ngày 12 tháng 3 do nguyên đơn giữ, khi khởi kiện nguyên đơn đã cung cấp giấy vay tiền này để làm bằng chứng chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ. Tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ*”, như vậy, nguyên đơn đã thực đúng nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cho rằng không vay tiền của nguyên đơn, chữ ký và chữ viết trong giấy vay nợ do nguyên đơn xuất trình không phải là của của bị đơn và có đơn yêu cầu Tòa án ra Quyết định trưng cầu giám định nhưng không đồng ý nộp tiền tạm ứng chi phí giám định vì đó là nghĩa vụ của nguyên đơn, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*” và tại khoản 1 Điều 160 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Người yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định phải nộp tiền tạm ứng chi phí giám định*”. Như vậy, việc bị đơn phản đối yêu cầu của nguyên đơn và có yêu cầu trưng cầu giám định nhưng không nộp tiền tạm ứng chi phí giám định là từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình, đồng thời bị đơn cũng không xuất trình được chứng cứ khác để phản bác lại đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được. Căn cứ vào giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp thể hiện ngày 12 tháng 3 bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng, không thỏa thuận về lãi suất, thời hạn trả nợ là vào ngày 12/3/2019. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn đúng như cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Bị đơn cho rằng không vay tiền của nguyên đơn nhưng tại phiên tòa bị đơn lại xác nhận trước đây nguyên đơn có đến nhà của bị đơn để đòi nợ. Như vậy, có căn cứ xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng nhưng khi đến hạn bị đơn đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Th và bà V phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc 20.000.000 đồng.

[2.1.2] Về tiền lãi: Mặc dù trong giấy vay chỉ ghi ngày, tháng vay mà không ghi năm vay nhưng theo nội dung mà các bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là vào ngày 12/3/2019, nên có căn cứ xác định thời gian mà bị đơn vay tiền của nguyên đơn là trước ngày 12/3/2019. Khi làm hợp đồng vay nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận về lãi suất vay, nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

khoản 2 Điều 2, khoản 1 Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm để xác định số tiền lãi chậm trả mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn như sau:

Tiền lãi trên nợ gốc chậm trả từ ngày 12/3/2019 đến ngày 22/08/2022 (ngày xét xử) là 3 năm 5 tháng 9 ngày = $[20.000.000 \text{ đồng} \times 10\% / \text{năm} \times 3 \text{ năm}] + [20.000.000 \text{ đồng} \times (10\% / \text{năm} : 12 \text{ tháng}) \times 5 \text{ tháng}] + [20.000.000 \text{ đồng} \times (10\% / \text{năm} : 365 \text{ ngày}) \times 9 \text{ ngày}] = 6.882.000 \text{ đồng}$

Như vậy, tổng cộng gốc và lãi là: 20.000.000 đồng + 6.882.000 đồng = 26.882.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Đình Th và bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 26.882 đồng $\times 5\% = 1.344.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 2, khoản 1 Điều 5, Điều 6, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Hồng M.

- Buộc ông Nguyễn Đình Th và bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ liên đơn trả cho bà Ngô Thị Hồng M 20.000.000 đồng tiền gốc và 6.882.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 26.882.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi hai nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí: Ông Nguyễn Đình Th và bà Nguyễn Thị V phải chịu 1.344.000 đồng (*Một triệu, ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quốc Định

